

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HSST

Ngày: 20-10-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Danh.

Ông Nguyễn Minh Chí.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký
Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh: Bà Hứa
Thị Cẩm Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2025/TLST - HS ngày 01 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 10 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quốc T**, sinh ngày: 12/02/1990.

Tên gọi khác: T1.

Nơi thường trú: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Nay là: Ấp H, xã L, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị T2; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền sự: không; Tiền án (04): Bản án số 336/2014/HSST ngày 30/9/2014, của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Tp . xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 25/4/2015; Bản án số 61/2016/HSST ngày 23/02/2016, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp . xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 08/6/2017; Bản án số 01/2018/HSST ngày 17/01/2018, của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và Bản án số 10/2018/HSST ngày 05/6/2018, của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của Bản

án số 01/2018/HSST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù, chấp hành xong hình phạt ngày 26/3/2023; Bị cáo tạm giam từ ngày 12/6/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: Nguyễn Minh T3, sinh ngày: 01/01/1984

Nơi thường trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Nay là: ấp L, xã A, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T4 và bà Nguyễn Thị Ngọc Á; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự (02): Quyết định số 46/2020/QĐ-TA ngày 17/9/2020, của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong ngày 01/8/2022 và Quyết định số 05/QĐ-TA ngày 02/8/2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng; Nhân thân: Ngày 02/8/2000, bị Ủy ban nhân dân tỉnh L ra Quyết định số 2230 về việc đưa vào Trường giáo dưỡng 24 tháng, về hành vi Gây rối trật tự công cộng; Ngày 29/9/2007, bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An ra Quyết định số 699 về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc; Ngày 08/01/2015, bị Công an xã B, huyện H, Tp . ra Quyết định số 0009021/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính, với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 06/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp . ra Quyết định số 101/2016/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng và Ngày 09/10/2025 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản; Bị cáo tạm giam từ ngày 08/8/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lê Hoàng Q, sinh năm: 2004 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Phạm Ngọc L, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

2/ Võ Thế M, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh.

3/ Nguyễn Văn Ú, sinh năm: 1955 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã L, tỉnh Tây Ninh.

4/ Huỳnh Thị Đỗ Q1, sinh năm: 1991(vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, xã L, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 26/4/2025, Nguyễn Quốc T là người có 04 tiền án, chưa được xóa án tích, đã tái phạm nguy hiểm điều khiển xe mô tô biển số 62V2-5917 chở phía sau Nguyễn Minh T3 lưu thông trên tuyến đường B thuộc ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh). Khi chạy ngang quán giải khát tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An của anh Lê Hoàng Q, T3 phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Super Dream biển số 59K1-152.91 của anh Q đang dừng trước quán, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, không có người trông coi, T3 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên nên rủ T cùng lấy trộm để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. Sau đó, T dừng xe lại trước quán và ở bên ngoài canh giới, T3 đi đến vị trí xe mô tô biển số 59K1-152.91 đang đậu, đẩy xe ra ngoài, nổ máy rồi điều khiển xe tẩu thoát về hướng xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã R, tỉnh Tây Ninh), T điều khiển xe mô tô biển số 62V2-5917 chạy theo sau. Trên đường tẩu thoát, T điều khiển xe về xã L, huyện C, tỉnh Long An, còn T3 điều khiển xe mô tô vừa trộm được đến thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh). Do chưa tìm được chỗ tiêu thụ xe, nên T3 điều khiển xe mô tô trên đến tiệm S của ông Phạm Ngọc L tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An để gửi và mượn ông L số tiền 2.500.000 đồng. Qua truy xét, ngày 07/5/2025 Công an xã P, huyện C, tỉnh Long An mời T và T3 về làm việc. Qua làm việc, cả hai thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Long An, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SuperDream, màu nâu, biển số 59K1-152.91, trị giá 15.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 14/CT-VKSKV7 ngày 29/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh truy tố: Nguyễn Quốc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Minh T3 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Quốc T từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Minh T3 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tang vật: quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ và hoàn trả cho bị hại anh Lê Hoàng Q 01 xe mô tô biển số 59K1-152.91 và hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ú 01 xe mô tô biển số 62V2-5917, là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Lê Hoàng Q đã nhận lại tài sản, không yêu cầu. Ông Phạm Ngọc L không yêu cầu bị cáo T3 hoàn trả số tiền 2.500.000 đồng đã mượn. Nên đề nghị không xem xét.

Hai bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Hai bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc T và Nguyễn Minh T3 xảy ra ngày 26/4/2025 nên áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giải quyết.

[3] Quá trình điều tra và lời khai của bị cáo T và T3 tại phiên tòa, chứng minh được: Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 26/4/2025, tại quán giải khát thuộc ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh) bị cáo T3 và T cùng nhau thống nhất thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Super Dream, biển số 59K1-152.91 của anh Lê Hoàng Q. Theo Kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐGTS, ngày 09/5/2025, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C xác định tài sản bị cáo T và T3 chiếm đoạt trị giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Xét thấy giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt trên 2.000.000

đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Nên hành vi của bị cáo T3 đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với bị cáo T có 04 tiền án, cụ thể: Bản án số 336/2014/HSST ngày 30/9/2014, của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Tp . xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 25/4/2015; Bản án số 61/2016/HSST ngày 23/02/2016, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp . xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 08/6/2017; Bản án số 01/2018/HSST ngày 17/01/2018, của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và Bản án số 10/2018/HSST ngày 05/6/2018, của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 01/2018/HSST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù, chấp hành xong hình phạt ngày 26/3/2023. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều Điều 53 Bộ luật hình sự và là tình tiết định khung tăng nặng hình phạt là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5] Ngoài ra, việc hai bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội không có bàn bạc, phân công vị trí vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng người, chỉ là đồng phạm giản đơn, nên không xem xét đến tình tiết phạm tội có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Hành vi phạm tội của hai bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Hai bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của hai bị cáo cần phải được xử lý thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Trong vụ án cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của hai bị cáo, cũng như nhân thân của hai bị cáo khi lượng hình.

[7.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: không.

[7.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T3 hiện mắc bệnh và đang điều trị bệnh HIV, nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7.3] Xét về vị trí vai trò của hai bị cáo, T3 là người phát hiện tài sản, nảy sinh ý định và rủ rê bị cáo T cùng thực hiện hành vi phạm tội và là người trực tiếp lên lút chiếm đoạt xe mô tô. Bị cáo T là người cảnh giới. Xét về nhân thân, cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo T có 04 (bốn) tiền án cùng về tội “*Trộm cắp tài sản*” như đã phân tích tại phần [4]. Bị cáo T3 có 02 (hai) tiền sự vào ngày 17/9/2020 và ngày 02/8/2023, cùng bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; 01 (một) lần vào ngày 02/8/2000 bị đưa vào trường G; 02 (hai) lần vào ngày 29/9/2007 và ngày 8/10/2016 bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; 01 (một) lần vào ngày 08/01/2015 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và ngày 09/10/2025 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản.

[8] Với những nhận định trên, xét thấy cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giáo dục, cải tạo hai bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy áp dụng hình phạt tù đối với hai bị cáo cũng đủ răn đe, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[9] Đối với ông Nguyễn Văn Ú là cha bị cáo T có hành vi cho bị cáo T mượn xe mô tô biển số 62V2-5917, nhưng không biết việc bị cáo T sử dụng xe mô tô để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và ông Phạm Ngọc L có hành vi cho bị cáo T3 gửi xe mô tô biển số 59K1-152.91 tại tiệm sửa xe, nhưng không biết xe mô tô là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý, là phù hợp.

[10] Về tang vật thu giữ: quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ và hoàn trả cho bị hại anh Lê Hoàng Q 01 xe mô tô, biển số 59K1-152.91 và hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ú (cha bị cáo T) 01 xe mô tô biển số 62V2-5917, vì ông Ú cho bị cáo T mượn xe để sử dụng, việc bị cáo T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội ông Ú không biết. Là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh Lê Hoàng Q vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 84*) là đã nhận lại tài sản, không yêu cầu. Ông Phạm Ngọc L tại phiên tòa cũng vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 85*) không yêu cầu bị cáo T3 hoàn trả số tiền 2.500.000 đồng đã mượn. Nên không xem xét.

[12] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T và Nguyễn Minh T3 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Quốc T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/6/2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Minh T3 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/8/2025.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam hai bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (20/10/2025) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Tây Ninh*; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- *Công an tỉnh Tây Ninh*;
- *VKSND Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh*;
- *THADS tỉnh Tây Ninh*;
- *Bị cáo; đương sự*;
- *Lưu hồ sơ*;
- *Lưu án văn*.

NGUYỄN ĐỨC BẢO

TÒA ÁN NHÂN DÂN

KHU VỰC 7 – TÂY NINH

TỈNH TÂY NINH

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 10 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Danh.

Ông Nguyễn Minh Chí.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS, ngày 01/10/2025 đối với bị cáo: Nguyễn Quốc Tùng và Nguyễn Minh Tiến.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc Tùng và Nguyễn Minh Tiến phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Bị cáo Nguyễn Quốc Tùng: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Minh Tiến: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Nguyễn Quốc Tùng 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/6/2025.

Xử phạt: Nguyễn Minh Tiến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/8/2025.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam hai bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (20/10/2025) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ

NGUYỄN CÔNG DANH – NGUYỄN MINH CHÍNH NGUYỄN ĐỨC BẢO